

Số: 1753/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển Kinh tế số ngành Công Thương
giai đoạn đến năm 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án phát triển Kinh tế số ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành

phổ trực thuộc Trung ương và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, TMĐT (KTS).



Nguyễn Sinh Nhật Tân

BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ NGÀNH CÔNG THƯƠNG
GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 753/QĐ-BCT ngày 06 / 7 /2023
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

I. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Công nghiệp và thương mại trở thành hai lĩnh vực tiên phong ứng dụng hiệu quả các công nghệ số; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế số ngành Công Thương, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong ngành nhằm phát triển kinh tế số ngành Công Thương hiệu quả, bền vững.

II. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển kinh tế số ngành Công Thương phải phù hợp với quan điểm của Đảng và nhà nước, các mục tiêu, định hướng của Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030 và Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; triển khai hiệu quả, sáng tạo, có trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực chủ đạo ngành Công Thương, bao gồm: sản xuất công nghiệp, năng lượng và thương mại điện tử.

2. Để phát triển kinh tế số ngành Công Thương, trước tiên phải chuyển đổi nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở sản xuất kinh doanh) ngành Công Thương theo hướng phát triển và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, thay đổi phương thức sản xuất, kinh doanh, điều hành, tác nghiệp và giao dịch sang môi trường số. Trong đó, chú trọng chuyển đổi nhận thức người đứng đầu các tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh ngành Công Thương nhằm thúc đẩy nhanh, quyết liệt quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số ngành Công Thương;

3. Xác định cơ sở sản xuất kinh doanh là lực lượng nòng cốt triển khai ứng dụng công nghệ số trong khi nhà nước đóng vai trò quản lý, thiết lập hạ tầng và tạo môi trường phát triển;

4. Thực hiện cơ cấu lại lĩnh vực thương mại và công nghiệp theo hướng đổi mới sáng tạo và số hoá phương thức sản xuất kinh doanh; tăng cường kết nối, tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, các hệ sinh thái toàn cầu và khu vực;

5. Việc hỗ trợ, tạo động lực cho chuyển đổi số lĩnh vực công nghiệp và thương mại được thực hiện theo mô hình: lựa chọn và hỗ trợ có trọng tâm trọng điểm một số lĩnh vực/địa phương để đóng vai trò đầu tàu, dẫn dắt và tạo sự lan toả trong toàn xã hội;

6. Ưu tiên phân bổ nguồn lực để thực hiện phát triển kinh tế số ngành Công Thương; hợp tác, thu hút nguồn lực từ doanh nghiệp, xã hội để triển khai hiệu quả và bền vững quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số ngành Công Thương.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Tạo hiệu quả đột phá trong hoạt động ứng dụng công nghệ để phát triển sản xuất, kinh doanh, phân phối trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ngành Công Thương; giúp nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua phát triển các sản phẩm, dịch vụ tiên tiến, mô hình, phương thức kinh doanh mới; đổi mới mô hình tăng trưởng, mở rộng thị trường tiêu thụ cho hàng hóa Việt Nam trong và ngoài nước, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng toàn ngành;

- Thu hẹp khoảng cách về mức độ phát triển thương mại điện tử và kinh tế số giữa các thành phố lớn và địa phương. Thúc đẩy thương mại điện tử và kinh tế số ngành Công Thương phát triển bền vững, tăng tính kết nối, liên kết vùng.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tỷ trọng đóng góp của kinh tế số trong ngành Công Thương đạt mức tối thiểu trong khoảng từ 20-25%;

- Dân số tham gia mua sắm trực tuyến chiếm khoảng 70% tổng dân số của cả nước. Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử phần đầu đạt trên 65%;

- Doanh số bán lẻ thương mại điện tử tăng từ 20 - 25%/năm; tỷ trọng bán lẻ thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ phần đầu đạt 20%;

- Tỷ lệ doanh nghiệp ngành Công Thương sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%;

- Tỷ lệ doanh nghiệp sản xuất công nghiệp thực hiện hoạt động chuyển đổi số cơ bản đạt 70%, trong đó tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chuyển đổi số có hiệu quả đạt ít nhất 40% và tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động sản xuất thông minh có hiệu quả đạt ít nhất 30%;

- Vị trí của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp ngành Công Thương trong bảng xếp hạng về chuyển đổi số do Chính phủ hoặc các hiệp hội ngành nghề ban hành được duy trì trong top 5 từ năm 2025 và top 3 từ năm 2030;

- Các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực năng lượng hoàn thành 100% số hoá dữ liệu và các quy trình nghiệp vụ trong điều hành sản xuất, kinh doanh;

- 80% người tiêu dùng, tổ chức cá nhân kinh doanh ở các thành phố lớn và 50% tại các địa phương vùng sâu vùng xa có thể tương tác toàn diện thông qua các hệ thống tổng đài tư vấn, hỗ trợ người tiêu dùng và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

- 50% các dịch vụ kết nối thị trường của doanh nghiệp được thực hiện trên Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số, hỗ trợ 1.000.000 lượt doanh nghiệp kết nối giao thương, xúc tiến thương mại;

- 80% các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh ngành Công Thương được nâng cao nhận thức về chuyển đổi số;

- Trên 50% các doanh nghiệp, hợp tác xã, và hộ kinh doanh ngành Công Thương được tiếp cận, tập huấn, sử dụng, khai thác các giải pháp thuộc Hệ sinh thái Chuyển đổi số doanh nghiệp ngành Công Thương;

- 80% các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thuộc ngành Công Thương triển khai đào tạo về chuyển đổi số, thương mại điện tử và kinh tế số;

- Trên 1.000.000 lượt doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cán bộ quản lý nhà nước được tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ các nội dung về ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số và phát triển kinh tế số.

IV. NHIỆM VỤ

1. Phát triển nền móng phục vụ kinh tế số ngành Công Thương

1.1. Chuyển đổi nhận thức

a) Tuyên truyền, phổ biến thông tin về cơ chế, chính sách pháp luật và các hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; nâng cao nhận thức cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh về bản chất, xu hướng và lợi ích của việc ứng dụng, khai thác công nghệ số, chuyển đổi số và phát triển kinh tế số;

b) Tập huấn, phổ cập kỹ năng số cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; đẩy mạnh các biện pháp nhằm nâng cao tỷ lệ khai thác, sử dụng các nền tảng số, hệ thống và hệ sinh thái chuyển đổi số ngành Công Thương phục vụ sản xuất, kinh doanh, phân phối;

c) Tập huấn đào tạo đội ngũ lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh về kỹ năng tổ chức hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh và phân phối trên môi trường số, nâng cao năng lực quản lý, làm việc trên môi trường số, áp dụng mô hình sản xuất, kinh doanh và phân phối thông minh, năng

lực thích ứng với những biến đổi nhanh của thị trường, xây dựng chiến lược, kế hoạch và tổ chức hoạt động chuyển đổi số và sản xuất, kinh doanh thông minh;

d) Kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên môn, cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số;

đ) Nâng cao kỹ năng lãnh đạo chiến lược, lãnh đạo công nghệ, kiến thức và kỹ năng triển khai hoạt động chuyển đổi số, kỹ năng thực hiện nghiệp vụ trong môi trường số, kỹ năng phát triển và vận hành cơ sở sản xuất và kinh doanh thông minh;

e) Tổ chức khen thưởng, vinh danh các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh tiên phong về chuyển đổi số, các chuyên gia tư vấn, các doanh nghiệp cung cấp giải pháp, sản phẩm, dịch vụ chuyển đổi số tích cực hỗ trợ quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số ngành Công Thương.

1.2. Hoàn thiện môi trường pháp lý

a) Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật về quản lý hoạt động thương mại điện tử, các hoạt động thương mại trong kinh tế số;

b) Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật về mua bán, sáp nhập doanh nghiệp nhằm ngăn chặn hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, lạm dụng vị trí độc quyền; hành vi cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường kinh tế số;

c) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại. Ban hành bộ tiêu chí đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại;

d) Xây dựng và hoàn thiện các quy định về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên môi trường số;

đ) Nghiên cứu, đề xuất chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ngành Công Thương thực hiện chuyển đổi số trong quy trình sản xuất, kinh doanh, phân phối tương ứng với mức độ chuyển đổi số, trưởng thành số;

e) Nghiên cứu, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức triển khai khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (sand box) đối với các dịch vụ số mới, mô hình, phương thức kinh doanh kinh tế số mới chưa được pháp luật quy định rõ ràng.

1.3. Phát triển hạ tầng số

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị phần cứng, phần mềm nhằm triển khai chuyển đổi số và phát triển kinh tế số ngành Công Thương;

b) Khuyến khích mở rộng kết nối Internet tốc độ cao tới tất cả các hợp tác xã, hộ kinh doanh, nhất là các hợp tác xã, hộ kinh doanh tại các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa nhằm tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet phục vụ sản xuất, kinh doanh, phân phối trong sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại;

c) Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số doanh nghiệp và dịch vụ logistics Việt Nam;

d) Phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu danh mục dùng chung cho toàn ngành Công Thương; cơ sở dữ liệu trong các lĩnh vực ngành Công Thương;

đ) Xây dựng, triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển kinh tế số ngành Công Thương.

1.4. Phát triển Doanh nghiệp số

Đẩy mạnh, đẩy nhanh việc phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh số dựa trên các nền tảng số, Hệ sinh thái chuyển đổi số doanh nghiệp trong các lĩnh vực thuộc ngành Công Thương. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Đề án hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất công nghiệp ứng dụng công nghệ 4.0 để phát triển sản xuất thông minh giai đoạn đến năm 2030, tạo động lực phát triển kinh tế số ngành Công Thương;

b) Xây dựng, triển khai Đề án Hệ sinh thái Chuyển đổi số doanh nghiệp ngành Công Thương hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh ngành Công Thương (đặc biệt doanh nghiệp vừa, nhỏ, siêu nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh) chuyển đổi số toàn diện bao gồm: (i) Đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp ngành Công Thương; (ii) Kết nối các cơ sở sản xuất kinh doanh với các giải pháp công nghệ số uy tín; (iii) Xây dựng thư viện tri thức chuyển đổi số ngành Công Thương; (iv) Triển khai các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, chuyển đổi số;

c) Xây dựng, phát triển Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, lợi ích mang lại cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận thị trường là thước đo đánh giá sự thành công của việc ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại; phát triển các nền tảng số, ứng dụng số nhằm khai thác dữ liệu kết nối thị trường, thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên triển khai ngay một số mô hình được thị trường nước ngoài khai thác có hiệu quả, phù hợp với điều kiện Việt Nam.

2. Phát triển Kinh tế số ngành Công Thương

2.1. Lĩnh vực Thương mại

Phát triển kinh tế số trong thương mại theo hướng tinh gọn và tăng hiệu quả của chuỗi cung ứng, góp phần hiện đại hóa chu trình kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Tổ chức triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 đã được ban hành tại Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; Xây dựng và trình Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2025 - 2030;

b) Tổ chức triển khai Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030”;

c) Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý nhà nước của lực lượng quản lý thị trường;

d) Quản lý, giám sát hoạt động của các nền tảng thương mại điện tử; chống hàng gian, hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong các giao dịch thương mại điện tử trực tuyến; xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững;

đ) Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình thúc đẩy thương mại điện tử tại các vùng nông thôn có tiềm năng phát triển hạ tầng logistics thuận lợi, có nhiều nông sản, sản phẩm thủ công, mỹ nghệ độc đáo; tăng cường liên kết thương mại điện tử giữa các vùng miền;

e) Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để góp phần đưa mỗi một người dân thành một doanh nhân. Đào tạo kỹ năng số cho đồng bào dân tộc thiểu số, trao cơ hội tiếp cận với thương mại điện tử nhằm xóa đói giảm nghèo, thu hẹp chênh lệch về thu nhập; coi thương mại điện tử là biện pháp chủ yếu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025.

2.2. Lĩnh vực Công nghiệp và Năng lượng

Phát triển kinh tế số trong công nghiệp và năng lượng theo định hướng thiết lập môi trường phù hợp cho đổi mới sáng tạo, tăng cường sự chỉ đạo chiến lược và khai thác linh hoạt nguồn lực tài chính. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

a) Hoàn thiện cơ chế chính sách tạo thuận lợi cho việc phát triển kinh tế số trong lĩnh vực công nghiệp và năng lượng, đặc biệt trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hướng đến mô hình nhà máy thông minh, tăng trưởng xanh, bền

vững và phù hợp với mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy việc triển khai cơ chế điều phối hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, kết nối thông qua các nền tảng số, đóng vai trò đúc kết và lan tỏa kinh nghiệm về hoạt động chuyển đổi số;

b) Xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng số kết nối doanh nghiệp sản xuất với các chuyên gia công nghệ và các nhà cung cấp giải pháp chuyên nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; tăng cường liên kết kinh doanh theo mô hình hợp tác tiên tiến giữa các doanh nghiệp sản xuất với đối tác trong nước và quốc tế để tạo ra các giá trị mới, chia sẻ mạng lưới dịch vụ và tài nguyên dữ liệu, thông tin;

c) Tổ chức khảo sát định kỳ đánh giá mức độ sẵn sàng của các doanh nghiệp công nghiệp về chuyển đổi sang mô hình nhà máy thông minh;

d) Ưu tiên đầu tư, tăng cường năng lực cho một số tổ chức khoa học và công nghệ công lập của Bộ Công Thương để trở thành tổ chức khoa học và công nghệ mạnh, được xếp hạng khu vực, có khả năng làm chủ, ứng dụng, chuyển giao các công nghệ nguồn, công nghệ lõi hỗ trợ doanh nghiệp về chuyển đổi số, phát triển sản xuất thông minh;

đ) Thúc đẩy việc triển khai nghiên cứu và ứng dụng mô hình hệ sinh thái công nghiệp để nâng cao khả năng phản ứng với sự thay đổi của thị trường từ trải nghiệm của khách hàng, cộng tác với các đối tác để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp mới, hợp tác cung cấp giá trị gia tăng dựa trên khai thác dữ liệu;

e) Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số nhằm chuyển đổi số trong lĩnh vực lưới điện, vận hành lưới điện thông minh, quản lý năng lượng, chẩn đoán sự cố, điều khiển và theo dõi, xác minh các nguồn năng lượng, thúc đẩy hiệu quả năng lượng;

g) Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng, trong đó ưu tiên tập trung cho ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả; kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới nhanh, hiệu quả, hỗ trợ người dùng tiết kiệm năng lượng và phát hiện các tổn thất, mất mát điện năng;

h) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin lĩnh vực năng lượng, cơ sở dữ liệu theo chuẩn quốc tế được cập nhật đầy đủ, kịp thời, nhất quán đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, địa phương liên quan;

i) Xây dựng, trình Thủ tướng phê duyệt và tổ chức triển khai Đề án nâng cấp, đảm bảo an ninh năng lượng các ngành đáp ứng yêu cầu của Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tổ chức, bộ máy

a) Kiện toàn, tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự triển khai chuyển đổi số và phát triển kinh tế số ngành Công Thương từ Trung ương đến địa phương, ưu tiên cơ quan thường trực là đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, Chính phủ điện tử và chuyển đổi số của các cơ quan quản lý nhà nước ngành Công Thương tại mỗi địa phương;

b) Phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và chính quyền các cấp, đặc biệt các doanh nghiệp vừa, nhỏ, siêu nhỏ, hợp tác xã và hộ kinh doanh ngành Công Thương để triển khai chuyển đổi số, phát triển kinh tế số ngành Công Thương hiệu quả, thực chất và bền vững.

2. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh ngành Công Thương về chuyển đổi số nói chung và chuyển đổi số lĩnh vực thương mại và công nghiệp nói riêng; nâng cao nhận thức cho các cơ sở sản xuất kinh doanh ngành Công Thương về lợi ích chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số nhằm tối ưu hoá hiệu quả sản xuất, kinh doanh, phân phối;

b) Tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, các sự kiện, triển lãm trong nước và quốc tế về chuyển đổi số và phát triển kinh tế số ngành Công Thương và kết quả thực hiện các nội dung của Đề án; lồng ghép các nội dung về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong từng lĩnh vực thuộc ngành Công Thương trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội;

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về các nền tảng số, hệ thống và hệ sinh thái số thuộc các lĩnh vực ngành Công Thương, các mô hình kinh tế số điển hình trên các kênh truyền thông từ trung ương đến địa phương. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo trong phát triển kinh tế số ngành Công Thương, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp nâng cao kỹ năng số, sử dụng các nền tảng số, hệ thống và hệ sinh thái số một cách hiệu quả;

d) Tổ chức các chiến dịch truyền thông, các cuộc thi xoay quanh chủ đề chuyển đổi số và phát triển kinh tế số ngành Công Thương nhằm tuyên truyền, phổ biến, thu hút sự tham gia rộng rãi của người dân và cộng đồng doanh nghiệp. Tổ chức các cuộc thi tìm kiếm các mô hình sản xuất thông minh, kinh doanh số, chuyển đổi số tiêu biểu, các giải pháp dùng công nghệ số để giải quyết các bài toán về chuyển đổi số và phát triển kinh tế số ngành Công Thương;

đ) Tổ chức các cuộc thi để khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cộng đồng doanh nghiệp đưa ra các bài toán trong thực tế chuyển đổi số và phát triển kinh tế số ngành Công Thương cần giải quyết cũng như ghi nhận các giải pháp, nền tảng, hệ thống số giải quyết xuất sắc các bài toán đặt ra.

3. Phát triển nguồn nhân lực

a) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành Công Thương để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số;

b) Xây dựng Chiến lược phát triển nguồn nhân lực số ngành Công Thương và chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển của kinh tế số theo từng thời kỳ;

c) Đổi mới mô hình phát triển nhân lực kỹ thuật số của ngành Công Thương theo hướng nâng cao chương trình đào tạo nghề, cao đẳng và đại học bằng các kiến thức và kỹ năng về công nghệ số, chuyên đổi số, sản xuất thông minh, thương mại điện tử, kinh tế số. Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu đào tạo nhân lực theo nhu cầu, thử nghiệm và phát triển sản phẩm công nghiệp, các sản phẩm, dịch vụ, mô hình và phương thức kinh doanh mới trên môi trường số;

d) Lựa chọn, đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số và kinh tế số cho các cơ quan quản lý nhà nước, lãnh đạo của tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh ngành Công Thương tại địa phương. Các chuyên gia này tiếp tục đào tạo lại cho cán bộ liên quan ở cơ quan, tổ chức mình và trở thành lực lượng nòng cốt để dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình chuyển đổi số trong ngành Công Thương trên toàn quốc;

đ) Thúc đẩy đào tạo chuyên ngành về thương mại điện tử và kinh tế số tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học; xây dựng mạng lưới các cơ sở đào tạo và chuyên gia đầu ngành để hỗ trợ tư vấn, nâng cao chất lượng đào tạo thương mại điện tử và kinh tế số;

e) Xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn hỗ trợ việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong phát triển kinh tế số ngành Công Thương;

g) Hỗ trợ doanh nghiệp hình thành văn hóa tự học tập về các xu hướng số, công nghệ số, sản xuất thông minh, các mô hình, phương thức kinh doanh mới trên môi trường số và các kiến thức phục vụ quản lý doanh nghiệp, sáng tạo và đổi mới;

h) Hỗ trợ đào tạo đội ngũ chuyên trách về sản xuất thông minh, các phương pháp hiện đại để ứng dụng, triển khai mô hình sản xuất thông minh, bao gồm: các

nội dung điện tử kỹ thuật số và bộ vi xử lý, điều khiển học sinh học, tự động hóa, xử lý tín hiệu, điều khiển robot, hệ thống sản xuất tích hợp máy tính, trí tuệ nhân tạo trong hoạt động sản xuất, sản xuất với máy tính hỗ trợ, v.v...

4. Ứng dụng các giải pháp công nghệ xây dựng hệ thống, nền tảng, hệ sinh thái số

a) Xây dựng và vận hành Hệ sinh thái chuyển đổi số doanh nghiệp ngành Công Thương để cung cấp thông tin triển khai chuyển đổi số và phát triển kinh tế số ngành Công Thương; là nơi tích hợp các dữ liệu, giải pháp công nghệ số, kết nối chuyên gia về chuyển đổi số, gắn kết nguồn lực của toàn xã hội thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện cho các cơ sở sản xuất kinh doanh ngành Công Thương;

b) Nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống xử lý vi phạm hành chính; hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung về chống hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong hoạt động thương mại điện tử;

c) Xây dựng và vận hành Hệ sinh thái Xúc tiến thương mại số; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về xúc tiến thương mại;

d) Cải thiện hạ tầng dịch vụ chuyên phát và logistics cho kinh tế số ngành Công Thương; ứng dụng các giải pháp công nghệ mới trong hoạt động logistics nội tỉnh, liên tỉnh và xuyên biên giới;

đ) Xây dựng Cổng truy xuất nguồn gốc xuất xứ hàng hóa Bộ Công Thương;

e) Xây dựng hạ tầng quản lý và phát triển chứng thực hợp đồng điện tử và các chứng từ điện tử phục vụ giao dịch thương mại khác trên nền tảng ứng dụng công nghệ số;

g) Xây dựng nền tảng xác thực, đánh giá tín nhiệm trong hoạt động kinh tế số ngành Công Thương;

h) Ứng dụng các giải pháp công nghệ trong xây dựng và phân tích các hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công Thương; đảm bảo được việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

i) Xây dựng các hệ thống, giải pháp công nghệ ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử, thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử trong phát triển kinh tế số ngành Công Thương nhằm xác thực thông tin của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thương mại điện tử; phát triển hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các lĩnh vực khác ngành Công Thương.

5. Nghiên cứu, chuyên giao khoa học công nghệ

a) Hình thành một số tổ chức khoa học và công nghệ mạnh, được xếp hạng khu vực và quốc tế về nghiên cứu, chuyển giao và hỗ trợ doanh nghiệp về chuyển đổi số, phát triển sản xuất thông minh, năng lượng thông minh;

b) Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao vào các hoạt động kinh doanh trên thị trường nội địa; thúc đẩy việc sử dụng các ứng dụng, tiện ích mới như truy xuất nguồn hàng, QR Code, Data Matrix, RFID tại các kênh phân phối như chợ, siêu thị, trung tâm thương mại...;

c) Tăng cường nghiên cứu, triển khai các công cụ mô phỏng phát triển, thử nghiệm trong sản xuất công nghiệp, năng lượng thông minh;

d) Ưu tiên, bố trí thêm nguồn lực, tăng cường đầu tư, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao, công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để đáp ứng yêu cầu phát triển thương mại và công nghiệp trong nước và bắt kịp các xu thế mới trên thế giới;

đ) Nâng cao chỉ số môi trường công nghệ quốc gia gắn với thúc đẩy sản xuất thông minh; hỗ trợ doanh nghiệp phát triển năng lực công nghệ và thử nghiệm sản phẩm, phát triển tài nguyên và hạ tầng số.

6. Hợp tác quốc tế

a) Chủ động xây dựng quan hệ đối tác và hợp tác song phương, đa phương, khu vực trong lĩnh vực số nhằm đẩy mạnh hợp tác về chuyển đổi số, kinh tế số; nghiên cứu, đề xuất đàm phán Bản ghi nhớ hợp tác, Hiệp định về thương mại số, kinh tế số với các khu vực, quốc gia, vùng lãnh thổ có lợi thế cạnh tranh mang tính bổ trợ với Việt Nam, đồng thời đảm bảo phù hợp với năng lực, chính sách, định hướng phát triển trong nước;

b) Củng cố, làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, đặc biệt là các đối tác có tầm quan trọng chiến lược đối với sự phát triển và an ninh của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập đi vào thực chất, tạo sự đan xen gắn kết lợi ích giữa Việt Nam với các đối tác thông qua chương trình, sáng kiến hợp tác chuyển đổi số, thương mại số, kinh tế số;

c) Chủ động và tích cực tham gia các thể chế đa phương, khu vực về chuyển đổi số, thương mại số, kinh tế số nhằm phát huy vai trò, nâng cao vị thế của Việt Nam và tận dụng hiệu quả các khuôn khổ hợp tác quốc tế mà Việt Nam là thành viên như WTO, ASEAN, ASEM, APEC, hợp tác tiểu vùng Mê Công;

d) Thực hiện hội nhập kinh tế toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, ưu tiên hợp tác quốc tế về nâng cao năng lực và cải thiện kỹ năng số; tích cực triển khai hiệu quả các Hiệp định thương mại

tự do, đặc biệt là các cam kết, Hiệp định về thương mại điện tử, thương mại số và kinh tế số mà Việt Nam đã tham gia;

e) Tăng cường quảng bá, mở rộng thị trường và kêu gọi sự tham gia của doanh nghiệp trên môi trường mạng thông qua các phương tiện điện tử và nền tảng số hướng đến việc thúc đẩy kết nối, đa dạng hóa chuỗi cung ứng cho Việt Nam;

g) Tăng cường nghiên cứu, trao đổi và chia sẻ các chuẩn mực, tiêu chuẩn khu vực, quốc tế trong lĩnh vực thương mại điện tử, thương mại số, kinh tế số nhằm nâng cao năng lực trong nước, tiến tới tham gia vào việc hình thành các chuẩn mực, tiêu chuẩn khu vực, quốc tế.

7. Giám sát, đánh giá

a) Thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả đo lường các chỉ tiêu kinh tế số ngành Công Thương đặt ra tại Đề án ở cấp độ từ Trung ương đến địa phương;

b) Định kỳ cập nhật các chỉ tiêu kinh tế số ngành Công Thương phù hợp thực tế phát triển, đảm bảo hệ thống chỉ tiêu đo lường được thống nhất từ Trung ương đến địa phương;

c) Xây dựng và triển khai hệ thống giám sát, đánh giá và công bố tình hình thực hiện các nhiệm vụ, nội dung và kết quả chuyển đổi số, phát triển kinh tế số ngành Công Thương trên cơ sở ứng dụng công nghệ số và chỉ tiêu đánh giá kinh tế số ngành Công Thương.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Đề án gồm: kinh phí chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm cho các bộ, ngành, địa phương từ ngân sách nhà nước theo quy định; kinh phí trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2030; kinh phí huy động từ các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác.

2. Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

3. Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ của Đề án theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đối tác công tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ

a) Có trách nhiệm tổ chức quán triệt Đề án này tới toàn thể công chức, viên chức, người lao động đơn vị mình;

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp chặt chẽ với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số trong việc triển khai các nhiệm vụ của Đề án; Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án để cụ thể hoá các nội dung triển khai trong các đề án, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế và chuyển đổi số hàng năm và từng giai đoạn của cơ quan, đơn vị; ban hành hoặc đề xuất các chính sách, cơ chế thu hút nguồn lực và công nghệ để góp phần triển khai có hiệu quả Đề án;

c) Hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, các đơn vị có liên quan gửi báo cáo về kết quả thực hiện và đề xuất các giải pháp, nhiệm vụ mới qua Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số để tổng hợp báo cáo lãnh đạo Bộ.

2. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số

a) Làm đầu mối theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Đề án này, định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu báo cáo Lãnh đạo Bộ;

b) Chủ trì, phối hợp các đơn vị thuộc Bộ, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Đề án này; phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế số trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

c) Xây dựng, ban hành chế độ báo cáo tình hình thực hiện Đề án; tổ chức sơ kết sau 02 năm triển khai Đề án; đề xuất, kiến nghị Bộ trưởng điều chỉnh, bổ sung nội dung Đề án trong trường hợp cần thiết; tổng kết sau khi kết thúc thực hiện từng giai đoạn của Đề án.

d) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại điểm a, b, c, đ, e, khoản 1.1, phần 1, mục IV; điểm a, đ, e, khoản 1.2, phần 1, mục IV; điểm a, b, đ, khoản 1.3, phần 1, mục IV; điểm b, khoản 1.4, phần 1, mục IV; điểm a, d, đ, e, khoản 2.1, phần 2, mục IV; phần 2, mục V; điểm a, d, e, phần 3, mục V; điểm a, đ, e, g phần 4, mục V; phần 6 và phần 7, mục V.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính

a) Trên cơ sở Đề án này, thực hiện triển khai chính sách huy động các nguồn vốn trong nước và nước ngoài cho ứng dụng và phát triển kinh tế số ngành Công

Thương; cân đối, thực hiện cấp phát kinh phí đã được cân đối trong dự toán chi ngân sách năm; hướng dẫn các đơn vị liên quan công tác đăng ký, cấp phát vốn đầu tư công để triển khai các nhiệm vụ trong Đề án đúng tiến độ và tuân thủ theo các quy định pháp luật;

b) Hướng dẫn các đơn vị liên quan về công tác tài chính - kế hoạch nhằm thực hiện các nhiệm vụ trong Đề án đúng tiến độ và tuân theo các quy định của pháp luật.

4. Tổng cục Quản lý thị trường

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại điểm c, khoản 2.1, phần 2, mục IV; điểm b, phần 4, mục V.

5. Ủy ban Cạnh tranh quốc gia

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại điểm b, d, khoản 1.2, phần 1, mục IV.

6. Cục Công nghiệp

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại điểm a, b, đ, khoản 2.2, phần 2, mục IV; điểm h, phần 3, mục V.

7. Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại điểm a, h, khoản 2.2, phần 2, mục IV.

8. Cục Điều tiết điện lực

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại điểm a, e, g, khoản 2.2, phần 2, mục IV.

9. Vụ Dầu khí và Than

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại điểm a, i, khoản 2.2, phần 2, mục IV.

10. Cục Xuất nhập khẩu

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại điểm c, khoản 1.3, phần 1, mục IV; điểm d, phần 4 mục V.

11. Cục Xúc tiến thương mại

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại điểm c, khoản 1.2, phần 1, mục IV; điểm c, khoản 1.4, phần 1, mục IV; điểm b, khoản 2.1, phần 2, mục IV; điểm c, phần 4, mục V.

12. Vụ Tổ chức cán bộ

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại điểm b, c, đ, phần 3, mục V.

13. Vụ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại điểm a, khoản 1.4, phần 1, mục IV; điểm a, b, c, d, khoản 2.2, phần 2, mục IV; điểm g, h, phần 3, mục V; phần 5, mục V.

14. Vụ Thị trường châu Á-châu Phi, Vụ Thị trường châu Âu-châu Mỹ, Vụ Chính sách thương mại đa biên

Phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số thực hiện các giải pháp nêu tại phần 6, mục V.

15. Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án và tình hình chuyển đổi số thực tế tại địa phương để cụ thể hoá nội dung trong các chương trình, đề án, kế hoạch chuyển đổi số và phát triển kinh tế số lĩnh vực công nghiệp và thương mại của địa phương; xây dựng kế hoạch, đề án hoặc chương trình phát triển kinh tế số trong lĩnh vực Công Thương của địa phương, trình phê duyệt ngân sách để triển khai thực hiện;

b) Đảm bảo các nguồn lực triển khai phát triển kinh tế số ngành Công Thương trên địa bàn; ưu tiên các giải pháp có tính liên kết vùng và các giải pháp thực hiện theo mô hình hợp tác công tư;

c) Định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Đề án; tổ chức đánh giá sơ kết và tổng kết theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.